

Phòng ngừa tội phạm: Những vấn đề lý luận cơ bản

Trịnh Tiến Việt*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2007

Tóm tắt. Bài viết nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về khái niệm phòng ngừa tội phạm và ý nghĩa của nó, các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm, các chủ thể phòng ngừa tội phạm và các biện pháp phòng ngừa tội phạm để đưa ra những kết luận mang tính định hướng hoàn thiện ngành khoa học nghiên cứu về tội phạm này.

1. Khái niệm và ý nghĩa của phòng ngừa tội phạm

1.1. Khái niệm phòng ngừa tội phạm

Đúng như GS.TSKH. Đào Trí Úc đã viết "... *tội phạm học có mục đích đưa ra những kiến nghị về các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm*" [1]. Do đó, mục đích cuối cùng và quan trọng nhất của ngành khoa học này là tìm ra được những biện pháp tác động vào quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm, đồng thời khắc phục được nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Như chúng ta đã biết, tội phạm là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng. Cho nên, để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, Nhà nước

đã quy định hành vi nào là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người nào thực hiện các hành vi đó. Do đó, tội phạm lại mang *bản chất* là một hiện tượng *pháp lý*.

Là hiện tượng tiêu cực, tội phạm lại luôn chứa đựng trong mình *đặc tính* chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của công dân, do đó nó mang thuộc tính *xã hội*. Bên cạnh đó, tội phạm cũng mang tính *lịch sử*, nó có nguồn gốc xã hội, tồn tại và phát triển cùng với lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, đồng thời tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó phải xuất phát từ xã hội, cũng như việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa phải phù hợp và dựa trên những quy luật kinh tế-xã hội khách quan và có tính tất yếu gắn liền với từng giai đoạn tương ứng của xã hội.

Nghiên cứu cho thấy, từ trước đến nay, đấu tranh chống tội phạm được tiến hành theo

* ĐT: 84-4-7547913

E-mail: viet180411@yahoo.com

phương châm: nhanh chóng và kịp thời phát hiện tội phạm, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội, trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội, hình thành thói quen phản ứng tích cực và hưởng ứng của Nhà nước và xã hội đối với tội phạm. Do đó, phòng ngừa tội phạm chính là một trong những nội dung quan trọng và chiếm một vị trí đặc biệt của lý luận (khoa học) về tội phạm học. Nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm chính là nghiên cứu cơ sở, nền tảng và điểm xuất phát để tiếp tục nghiên cứu những nội dung khác trong tội phạm học. Cho nên, phòng ngừa tội phạm vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học, vừa là chức năng cơ bản của tội phạm học.

Tư tưởng về phòng ngừa tội phạm và sự cần thiết của phòng ngừa tội phạm đã tồn tại từ rất lâu trong lịch sử loài người để bảo vệ, duy trì trật tự và công bằng xã hội, góp phần bảo vệ các lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã tiếp tục kế thừa và phát triển những tư tưởng văn minh và tiến bộ này. Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tội phạm phát sinh và tồn tại là do những nguyên nhân và điều kiện khác nhau, song các Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm đạt kết quả cao.

Còn ở nước ta, từ ngay sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến công tác phòng ngừa tội phạm. Cụ thể, riêng trong công tác tư pháp (xét xử), Người đã từng nói *"Xét xử là tốt, nhưng nếu không phải xét xử thì càng tốt hơn"*. Câu nói này của Người đã thể hiện phương châm rất quan trọng trong đường lối xử lý của Nhà nước ta - lấy giáo dục, phòng ngừa là chính, phòng ngừa tốt cũng chính là chống tội phạm tốt. Yêu cầu là phải ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm ngay từ

đầu làm cho tội phạm ít xảy ra hơn và tiến tới không xảy ra tội phạm, và để việc chống tội phạm, xử lý tội phạm chỉ là hãn hữu, là việc làm bất đắc dĩ. Lấy việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là quan trọng, hàng đầu.

Thực hiện tư tưởng phòng ngừa này, về sau trong nội dung chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta, phòng ngừa tội phạm được coi là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, cũng như của tất cả các cơ quan, tổ chức, trong đó các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án là lực lượng trung tâm và nòng cốt. Cụ thể, ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tập trung đấu tranh phòng chống các tội phạm cách mạng, các tội phạm hình sự nguy hiểm khác để giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội, cũng như bảo vệ các lợi ích của xã hội, của nhân dân.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP *"Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới"* ngày 31/7/1998 đã nhận định rất xác đáng rằng: *"... Tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay vẫn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Cơ cấu thành phần tội phạm có những thay đổi, số thanh niên phạm tội chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Đặc biệt là tình trạng phạm tội có tổ chức như tham nhũng, buôn lậu, mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em... phạm tội có sử dụng bạo lực, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê, chém mướn, bảo kê nhà hàng và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ hung hãn; gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng gây lo lắng cho toàn xã hội... Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thi hành pháp luật lại chưa nghiêm, sự phối hợp hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu chặt chẽ, nhiều ngành, nhiều cấp chưa coi trọng đúng mức công tác tham gia*

phòng, chống tội phạm. Một bộ phận cán bộ, kể cả cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật bị tha hóa, ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng nhân dân; công tác phòng ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư chưa được quan tâm đúng mức..." Do đó, Nghị quyết đã xác định các *chủ trương* mang tính *phòng ngừa xã hội cao* sau:

Một là, xây dựng và thực hiện cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân, nâng cao trách nhiệm vai trò chủ động của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tập trung phòng, chống các tội tham nhũng, buôn lậu, tội phạm hoạt động có tổ chức, lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, bọn buôn bán lôi kéo thanh niên, học sinh vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy, các loại tội phạm xâm hại trẻ em, mua bán phụ nữ, trẻ em.

Hai là, đổi mới và thực hiện nghiêm chỉnh cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật; nâng cao trách nhiệm, phát huy chức năng của các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Từng ngành xây dựng chương trình hành động, gắn việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với phòng và đấu tranh chống các tội phạm, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát hiện, điều tra và xử lý nghiêm đôi với các loại tội phạm. Xây dựng lực lượng công an nhân dân và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác thật sự trong sạch, vững mạnh để thực hiện tốt vai trò nòng cốt, xung kích trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ba là, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành pháp luật để phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho công cuộc đấu tranh

phòng, chống tội phạm trước mắt và lâu dài. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục, cải tạo người phạm tội bằng nhiều hình thức, giúp họ cải tạo tiến bộ, hoàn lương, tái hòa nhập gia đình và cộng đồng xã hội.

Bốn là, tăng cường sự hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm theo nguyên tắc phù hợp với pháp luật hiện hành của nước ta và pháp luật quốc tế, phù hợp với các chương trình chống tội phạm của Liên hợp quốc và của Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế Interpol.

Năm là, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và gian lận thương mại, tăng cường quản lý trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị, quản lý các hoạt động văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội, triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Đảng, Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm.

Sáu là, đặt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm thành Chương trình quốc gia có mục tiêu và nội dung các đề án cụ thể nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác phòng, chống tội phạm, từng bước làm giảm tội phạm. Xây dựng môi trường sống lành mạnh trong xã hội, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Bảy là, tiếp tục phát động quần chúng xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp ngăn ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cùng cố các tổ dân phố, lực lượng bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở phường, xã tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tám là, sử dụng đồng bộ các biện pháp để phòng ngừa, ngăn chặn, trấn áp kịp thời và kiên quyết đôi với các loại tội phạm nguy hiểm

như: tội phạm có tổ chức, tội phạm tham nhũng, buôn lậu, tội phạm giết người, cướp tài sản, tội phạm xâm hại trẻ em (hiếp dâm trẻ em, bắt cóc và buôn bán trẻ em, lôi kéo trẻ em vào con đường sử dụng và nghiện hút ma túy). Tiếp tục chấn chỉnh công tác giam giữ; nâng cao hiệu quả công tác giáo dục cải tạo phạm nhân.

Tiếp đó, ngày 08/11/2004, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Chi thị số 37/2004/CT-TTg "Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010", với ý nghĩa đã tạo sự chuyên biến mạnh mẽ hơn nữa trong công tác đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới.

Gần đây, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) cũng đã ghi nhận: "Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật". Ngoài ra, Đảng và Nhà nước đã xác định "Các cơ quan tư pháp phải thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm và vi phạm..." (Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng "Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020").

Hiện nay, phòng ngừa tội phạm còn là đề Nhà nước xây dựng kế hoạch phòng ngừa, nhận diện những diễn biến tội phạm và tình hình tội phạm trong tương lai, khả năng xuất hiện, thay đổi của tội phạm cũ và tội phạm mới, diễn biến và quy luật của quá trình tội

phạm hóa-phi tội phạm hóa, hình sự hóa-phi hình sự hóa, cũng như những biến đổi của đời sống xã hội khác. Nói một cách khác, với tư cách là ngành khoa học thực hiện chính chức năng phòng ngừa, tội phạm học góp phần bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, và có pháp chế thì Nhà nước pháp quyền mới đi vào thực tế. Pháp chế chính là đòi hỏi quan trọng của pháp luật. "Pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật..." [2].

Cho nên, không phải ngẫu nhiên, các nhà làm luật nước ta đã quy định rằng, Bộ Luật hình sự thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm và thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện; qua đó, bồi dưỡng cho mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và chống tội phạm. Ngoài ra, Bộ luật còn có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm... (Điều 1 Bộ Luật hình sự).

Đặc biệt, các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng. Các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc

quyển quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ pháp luật và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình. Và mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm (Điều 4). Do vậy, phòng ngừa tội phạm không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan, tổ chức và cũng không phải của một ngành khoa học nào trong lĩnh vực tư pháp hình sự, mà nó chính là nhiệm vụ chung của toàn xã hội.

Khái niệm phòng ngừa tội phạm là một trong những nội dung của lý luận về phòng ngừa tội phạm. Khái niệm này còn là cơ sở, nền tảng và điểm xuất phát để tiếp tục nghiên cứu những nội dung khác trong khoa học nghiên cứu về tội phạm học. Do đó, phòng ngừa tội phạm vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của tội phạm học, nó là mục tiêu, chức năng cơ bản của tội phạm học.

Hiện nay, trong khoa học về tội phạm học còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm này, nhưng phần lớn các quan điểm trong khoa học về tội phạm học nước ngoài đều cho rằng, phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, thủ tiêu nguyên nhân của tội phạm và kiểm soát được tội phạm và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật, cũng như có các biện pháp cải tạo, giáo dục người phạm tội, đưa họ trở thành những công dân có ích cho xã hội... [3,4].

Còn trong khoa học về tội phạm học Việt Nam, về cơ bản các tác giả đều thống nhất cho rằng phòng ngừa tội phạm được hiểu theo hai nghĩa rộng và hẹp khác nhau [5,6,7], và nội dung của nó cụ thể là:

Một là, theo nghĩa rộng, phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời bằng các cách khác nhau để ngăn chặn tội phạm, kịp thời phát hiện tội phạm, xử lý nghiêm minh các trường

hợp phạm tội và cải tạo, giáo dục người phạm tội trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Hai là, theo nghĩa hẹp, phòng ngừa tội phạm là không để cho tội phạm xảy ra, gây hậu quả cho xã hội và không để cho thành viên của xã hội phải chịu hình phạt của pháp luật, đồng thời Nhà nước không phải tốn những chi phí cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và cải tạo giáo dục người phạm tội.

Bên cạnh đó, trong thực tiễn công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, phòng ngừa tội phạm lại được hiểu là hoạt động chủ yếu của các cơ quan chuyên môn, chuyên trách trong công tác bảo vệ pháp luật về phòng chống tội phạm, mà cụ thể là: Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, cơ quan Thi hành án hình sự và một số cơ quan Nhà nước khác (Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển...) nhằm các mục đích thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, xóa bỏ các tác nhân là điều kiện tạo thuận lợi việc phát sinh ra tội phạm và đưa ra các giải pháp tổng thể và có hệ thống phòng ngừa các hiện tượng tiêu cực và tội phạm, các tác nhân ảnh hưởng và những thiếu sót trong cơ chế quản lý về các phương diện, cũng như kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và hệ thống pháp luật khác.

Tóm lại, dưới góc độ khoa học, khái niệm này có thể được định nghĩa như sau: Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của tất cả các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội và của mọi công dân trong xã hội áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp khác nhau hướng vào thủ tiêu những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, cũng như loại bỏ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất các tác nhân tiêu cực, đồng thời từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Nói một cách khác, phòng ngừa tội phạm là nhiệm vụ và trách nhiệm chung của toàn xã hội với mục đích hạn chế và tiến tới loại bỏ tội

phạm ra khỏi đời sống xã hội, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững cho con người và xã hội.

1.2. Ý nghĩa của phòng ngừa tội phạm

Từ nội dung của khái niệm phòng ngừa tội phạm đã nêu, cho phép chỉ ra các ý nghĩa trên các phương diện pháp lý, xã hội và thực tiễn khác nhau.

Một là, phòng ngừa tội phạm là hoạt động để thực hiện đúng và nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đảng, các văn bản Chính phủ để phục vụ việc nghiên cứu khoa học, triển khai các kết quả nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong công tác đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là vấn đề phòng ngừa tội phạm. Hàng loạt văn bản được ban hành chứa những nội dung đòi hỏi phải thực hiện như: 1) Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 "Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới" và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2/6/2005 "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng; 2) Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ "Về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới" và Quyết định số 138/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "Về phê duyệt Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm"; 3) Bộ Công an cũng đã thành lập Ban chỉ đạo 138 để đề ra "Kế hoạch nghiên cứu tội phạm và khoa học phòng chống tội phạm" ngày 30/1/2002), v.v...

Hai là, phòng ngừa tội phạm có vai trò hướng vào việc thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, cũng như những hiện tượng, tác nhân tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình hình thành phẩm chất cá nhân của con người. Như chúng ta đã biết, nguyên nhân phạm tội được hiểu là tổng hợp các phẩm chất cá nhân tiêu cực của người phạm tội hoặc có thể là cơ chế vận động của xã hội, của các hiện tượng chính trị - tư tưởng, kinh tế - xã hội, tâm lý tiêu cực trong tác động qua lại

lẫn nhau làm phát sinh, quyết định tình hình tội phạm và các tội phạm cụ thể và các hiện tượng xã hội này được lặp đi, lặp lại trong các môi quan hệ xã hội luôn luôn thay đổi và đầy biến động. Trong khi đó, điều kiện phạm tội lại là những yếu tố, hoàn cảnh xã hội bên ngoài, là các sơ hở, thiếu sót và tồn tại trong chính các lĩnh vực quan trọng đã nêu [8]. Một điều hiển nhiên là điều kiện không tự mình sinh ra tội phạm, nhưng ngược lại nếu thiếu điều kiện phạm tội thì nguyên nhân phạm tội hoặc là không thể thực hiện được hay hình thành được trong bản thân con người. Do đó, phòng ngừa tội phạm đòi hỏi phải loại trừ và tập trung tiêu diệt cả nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Ba là, phòng ngừa tội phạm góp phần quan trọng trong việc bảo vệ pháp chế, trật tự pháp luật, qua đó góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, ngăn ngừa sự xâm phạm vào các lợi ích hợp pháp đã được Nhà nước xác lập và bảo vệ. Trên cơ sở các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ, Bộ Luật hình sự đã quy định các chương tội phạm để bảo vệ các nhóm quan hệ xã hội tương ứng với 263 tội danh tương ứng như sau:

- 1) Chương XI "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia" gồm có 15 điều (78 - 92);
- 2) Chương XII "Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người" - 30 điều (93 - 122);
- 3) Chương XIII "Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân" - 10 điều (123 - 132);
- 4) Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" - 13 điều (133 - 145);
- 5) Chương XV "Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình" - 7 điều (146 - 152);
- 6) Chương XVI "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" - 30 điều (153 - 181);
- 7) Chương XVII "Các tội phạm về môi trường" - 10 điều (182-191);

8) Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" - 10 điều (192-201);

9) Chương XIX "Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng" - 55 điều (202-256);

10) Chương XX "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính" - 20 điều (257-276);

11) Chương XXI "Các tội phạm về chức vụ" - 35 điều (277-291);

12) Chương XXII "Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp" - 23 điều (292-314);

13) Chương XXIII "Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân" - 26 điều (315-340) và;

14) Chương XXIV "Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh" - 4 điều (341-344).

Do đó, bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm đến các nhóm quan hệ xã hội đã được kể trên đều bị xử lý theo đúng quy định của pháp luật trên những cơ sở chung. Song phòng ngừa tội phạm còn có vai trò tích cực thể hiện ở chỗ - Nhà nước và xã hội chủ động không để tội phạm xâm phạm đến các nhóm quan hệ xã hội đã nêu, không để Nhà nước, các tổ chức, cơ quan và mỗi công dân trong xã hội không phải chịu những hậu quả (thiệt hại) mà tội phạm lẽ ra gây ra, cũng như mất đi những chi phí không cần thiết để giải quyết các hậu quả này. Nói một cách khác, phòng ngừa tội phạm tốt cũng chính là chống tội phạm tốt hơn.

Bốn là, phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa nhân văn cao cả ở chỗ hạn chế tới mức thấp nhất trong xã hội không có bất kỳ thành viên nào phải bị điều tra, truy tố và xét xử và phải chịu hình phạt của Nhà nước. Hiện nay, xu hướng Nhà nước ngày càng mở rộng dân chủ, mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp (chế tài) hình phạt mang tính chất không tước tự do, góp phần đưa công dân tái hòa nhập cộng đồng ngày càng được trú trọng hơn⁽¹⁾.

Năm là, phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa tiết kiệm một khoản rất lớn về chi phí, tiền của và sức lực cho Nhà nước, của xã hội trong việc điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, trong việc khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra cho xã hội, trong công tác cải tạo, giáo dục và thi hành án đối với người phạm tội. Nếu như trong luật hình sự, chúng ta xác định được tội phạm có thể gây ra các hậu quả nguy hiểm cho xã hội về nhiều phương diện như:

1) Hậu quả (thiệt hại) về chính trị (an ninh quốc gia, an toàn - trật tự xã hội, ví dụ: các tội xâm phạm an ninh quốc gia);

2) Hậu quả về vật chất (ví dụ: các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm về kinh tế, các tội phạm về tham nhũng);

3) Hậu quả về thể chất (ví dụ: các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe) và;

4) Hậu quả về tinh thần (ví dụ: các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm).

Trong khi đó, luật hình sự lại chưa tính được những hậu quả khác mà tội phạm học còn tính được, cụ thể khi có tội phạm xảy ra, ngoài các hậu quả kể trên, tội phạm còn gây ra nhiều hậu quả khác cho xã hội, như: các chi phí cho việc giải quyết vụ án (ví dụ: chi phí cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, dẫn giải phạm nhân), chi phí khắc phục hậu quả mà tội phạm đã gây ra cho xã hội (ví dụ: gây ô nhiễm môi trường, khu nhà mặt đường không ai dám buôn bán, sinh sống vì ở đó có người bị giết dã man), chi phí tinh thần của người thân do đau buồn hậu quả (ví dụ: người mẹ có duy nhất

sự có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính và là hình phạt bổ sung nhiều hơn so với Bộ Luật hình sự năm 1985. Cụ thể, nếu trong Bộ Luật hình sự năm 1985 số điều luật có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính chiếm 9/215 điều và với tư cách là hình phạt bổ sung hình phạt tiền được quy định ở 61/215 điều tại Phần các tội phạm của Bộ Luật hình sự. Đến Bộ Luật hình sự năm 1999 thì con số này thứ tự là 68/263 điều và 102/263 điều luật...

⁽¹⁾ Ví dụ: Trong Bộ Luật hình sự năm 1999, số lượng các điều luật trong Phần các tội phạm Bộ Luật hình

một đứa con trai, bị người khác giết chết tàn ác nên đau buồn bà ta cũng tự tử theo, đứa trẻ mới tháng tuổi mà cha mẹ, anh chị em giết hết không ai chăm sóc, nuôi nấng), chi phí phát sinh hệ quả khác (ví dụ: chi phí sản xuất, kinh doanh do doanh nghiệp bị lừa đảo hết vốn dẫn đến hàng nghìn công nhân tạm thời không có công việc, có lương, công việc tạm thời ngừng trệ), an ninh trật tự - an toàn xã hội (ví dụ: trên đường phố thỉnh thoảng toàn xe còi ú của công an, cảnh sát chờ phạm nhân đi về trại giam hoặc đi xét xử), chi phí cho việc giáo dục, cải tạo phạm nhân (ví dụ: mất diện tích đất cho các trại giam, chi phí dạy nghề cho phạm nhân, cảnh sát bảo vệ, giám thị trại giam)... Do đó, nếu chúng ta có biện pháp phòng ngừa tốt và có hiệu quả, sẽ hạn chế rất nhiều các hậu quả không tính được kể trên sẽ gây ra cho xã hội.

Sáu là, phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa hướng những con người phạm tội trở thành con người lương thiện, có ích cho xã hội. Như chúng ta đều biết, *con người sinh ra không phải để trở thành người phạm tội, nhưng lại có khả năng trở thành người phạm tội khi trong quá trình trưởng thành và lớn lên, người đó gặp phải một số điều kiện không thuận lợi của quá trình hình thành nhân cách và người đó rơi vào một hoàn cảnh và tình huống nhất định*. Cho nên, một điều dễ hiểu là hành vi phạm tội của con người không phải và không thể là hành vi tất yếu xảy ra đối với chính con người đó. Vì vậy, trong quá trình hình thành nhân cách ở các môi trường sống có ý nghĩa vô cùng quan trọng (đó là: gia đình - nhà trường - xã hội) dễ dẫn đến hai thái cực tích cực (người tốt) hoặc tiêu cực (người xấu). Ngoài ra, loại trừ các điều kiện phạm tội sẽ giúp cho những con người khác trong xã hội đang hoặc đã tiềm ẩn những phẩm chất cá nhân tiêu cực trong mình sẽ không phát huy những phẩm chất tiêu cực đó và tránh được việc thực hiện các hành vi phạm tội trong tương lai.

Nói một cách khác, phòng ngừa tội phạm còn thể hiện ở chỗ: góp phần cải thiện các điều kiện xã hội, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, tạo điều kiện và môi trường tích cực và tự do cho việc hình thành lối sống, nhân cách, thái độ, ứng xử con người mới.

Và bảy là, phòng ngừa tội phạm mang tính xã hội cao, huy động sức mạnh tổng thể của toàn xã hội tham gia, qua đó thể hiện nguyên tắc dân chủ trong hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam. Cho nên, quán triệt tư tưởng này, về phương diện *chính trị-pháp lý*, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP "Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới" ngày 31/7/1998 và tiếp đó, ngày 08/11/2004, Thủ tướng Chính phủ lại ban hành Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg "Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010" với ý nghĩa đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và tích cực hơn nữa trong công tác đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong phòng ngừa và chống tội phạm trong tình hình mới.

Gần đây, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) cũng đã ghi nhận: "*Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật*". Ngoài ra, Đảng và Nhà nước đã xác định "*các cơ quan tư pháp phải thực sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm và vi phạm...*" (Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng "Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020").

2. Các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm

Nguyên tắc, theo các Từ điển tiếng Việt, được hiểu là *"quy tắc chung" [9] hay là "điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loại việc làm"*. Mọi hoạt động thực tiễn nói chung, hoạt động có kế hoạch - phòng ngừa tội phạm nói riêng cũng phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định. Hiện nay, trong khoa học chỉ nêu ra các nguyên tắc của hoạt động phòng ngừa tội phạm, mà chưa có định nghĩa khái niệm này. Tuy nhiên, theo chúng tôi dưới góc độ khoa học, *nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm được hiểu là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản cho các chủ thể có trách nhiệm phòng ngừa tội phạm thực hiện tốt các yêu cầu đặt ra trong công tác này, cũng như áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm để giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra.*

Như vậy, về cơ bản các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm đòi hỏi phải là những tư tưởng chủ đạo, định hướng xuyên suốt quá trình phòng và chống tội phạm, được khái quát hóa thành các cảm nang, sách chỉ dẫn cho các chủ thể có trách nhiệm phòng ngừa tội phạm thực hiện tốt công tác của mình, giúp ích cho Chính phủ và Nhà nước trong việc hoạch định các chính sách phòng ngừa tội phạm có hiệu quả cao, cũng như xây dựng hệ thống phòng ngừa có tổ chức chặt chẽ và đầy đủ.

Cũng trong khoa học về tội phạm, về số lượng các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm còn nhiều ý kiến khác nhau. Theo GS.TS. Đỗ Ngọc Quang cho rằng những nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa bao gồm: 1) Pháp chế xã hội chủ nghĩa; 2) Bảo đảm sự tham gia, phối hợp trong hoạt động phòng ngừa; 3) Dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hoạt động phòng ngừa và; 4) Nhân đạo xã hội chủ nghĩa [5].

Còn GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm lại cho rằng, các nguyên tắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm bao gồm sáu nguyên tắc sau: 1) Phục tùng lợi ích giai cấp của Đảng và Nhà nước ta; 2) Tuân thủ nghiêm chỉnh pháp chế xã hội chủ nghĩa; 3) Tăng cường dân chủ xã hội chủ nghĩa; 4) Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; 5) Trách nhiệm hình sự trên cơ sở lỗi và; 6) Mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý kiên quyết, nghiêm minh đúng pháp luật [10].

Ngoài ra, PGS.TS. Võ Khánh Vinh quan niệm phòng ngừa tội phạm có các nguyên tắc sau: 1) Pháp chế xã hội chủ nghĩa; 2) Dân chủ xã hội chủ nghĩa; 3) Nhân đạo; 4) Khoa học và tiến bộ; 5) Phối hợp chặt chẽ hoạt động phòng ngừa giữa các chủ thể phòng ngừa và; 6) Phân hóa trong phòng ngừa [11], v.v...

Chúng tôi cho rằng, phòng ngừa tội phạm là một nội dung quan trọng của tội phạm học, do vậy nó phải có những *nguyên tắc riêng, đặc thù hoặc bao trùm* (ví dụ: nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa), chứ không thể và không phải bao gồm những nguyên tắc cơ bản của ngành khoa học Luật hình sự (ví dụ: nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; trách nhiệm hình sự trên cơ sở lỗi hay nguyên tắc mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý kiên quyết, nghiêm minh đúng pháp luật) hoặc của ngành khoa học khác (ví dụ: nguyên tắc khoa học và tiến bộ)... Từ sự phân tích trên, theo quan điểm của chúng tôi, trong tội phạm học, phòng ngừa tội phạm bao gồm các nguyên tắc cơ bản sau:

- 1) Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- 2) Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa;
- 3) Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa;
- 4) Nguyên tắc phối hợp và;
- 5) Nguyên tắc kết hợp giữa biện pháp truyền truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong xã hội với biện pháp pháp luật.

Nội dung của các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa tội phạm như sau:

2.1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Hiến pháp Việt Nam năm 1992 quy định nội dung Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật.

Trên cơ sở nội dung này, phòng ngừa tội phạm cũng góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra. Do vậy, yêu cầu tuân thủ theo *nguyên tắc pháp chế* một yêu cầu mang tính *tuyệt đối* và *bắt buộc* của phòng ngừa tội phạm. Nói một cách khác, tuân thủ nguyên tắc pháp chế chính là bảo đảm các điều kiện cần thiết cho sự thắng lợi, nhất là trong công tác đấu tranh chống các tội phạm đặc biệt nguy hiểm ở nước ta hiện nay, tạo sự chuyên động nhịp nhàng và uyển chuyển của cả hệ thống, bộ máy Nhà nước và hệ thống tư pháp hình sự trong việc bảo vệ các lợi ích chung.

2.2. Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa

Dân chủ cũng là một nguyên tắc của Luật hình sự Việt Nam mặc dù chưa được nhà làm luật cũng như khoa học luật hình sự thừa nhận. Song, xuất phát từ *nội dung (tinh thần)* của các quy phạm pháp luật hình sự, thực tiễn áp dụng và các *giá trị pháp lý* và *nhân văn* của dân chủ đem lại cho xã hội và cho công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, giáo dục và cải tạo người phạm tội, cũng như nó được coi là một nguyên tắc *Hiến định* (như nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa) bao trùm xuyên suốt các ngành luật trong hệ thống pháp luật

của Nhà nước ta, trong đó có ngành luật hình sự. Ngoài ra, đây còn là một nguyên tắc cơ bản trong nhiều hoạt động của các cơ quan Nhà nước nói chung và của tội phạm học nói riêng. Phòng ngừa tội phạm mang tính xã hội cao, huy động sức mạnh tổng thể của toàn xã hội tham gia, qua đó thể hiện nguyên tắc dân chủ trong hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam. Cụ thể, sự tham gia rộng rãi của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức sẽ giúp cho hoạt động phòng ngừa tội phạm được đầy đủ và có hiệu quả, đồng thời sẽ ngăn chặn và phát hiện nhanh chóng, kịp thời những hiện tượng tiêu cực và tội phạm.

Ngoài ra, phòng ngừa tội phạm cũng như các vi phạm pháp luật khác là trách nhiệm, nghĩa vụ chung của tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, các cơ quan chuyên trách và không chuyên trách bảo vệ pháp luật và mọi công dân trong xã hội. Do đó, để thực hiện tốt nguyên tắc này đòi hỏi phải có các biện pháp động viên, khuyến khích để lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội phòng ngừa tội phạm, khuyến khích mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận thức được rằng tham gia phòng ngừa tội phạm là nghĩa vụ của mình... Thể hiện điều này, Điều 4 Bộ Luật hình sự năm 1999 cũng quy định tương đối cụ thể và rõ ràng yêu cầu đã nêu.

2.3. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa

Như chúng ta đã biết, trong giai đoạn cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay, nhân đạo là một giá trị có ý nghĩa rất quan trọng góp phần làm sáng tỏ bản chất ưu việt của xã hội - xã hội chủ nghĩa. Cho nên, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng sự cần thiết phải thiết lập và tăng cường thực hiện nhân đạo xã hội chủ nghĩa phù hợp với truyền thống dân tộc Việt Nam, phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, cũng như phù

hợp với các giá trị pháp lý tiên bộ của nền văn minh nhân loại.

Với tính chất là một giá trị pháp lý tiên bộ, nhân đạo thể hiện ở sự thương yêu, quý trọng và bảo vệ con người [12]; hay “*nhằm lợi ích con người*” [13]. Xét riêng trong mối quan hệ với pháp luật, nhân đạo lại có ý nghĩa rất to lớn đối với hoạt động ban hành pháp luật, hoạt động áp dụng pháp luật, trong ý thức pháp luật và toàn bộ đời sống pháp lý của xã hội. Ngược lại, pháp luật phải “*mang tính pháp lý cao, tính khách quan, nhân đạo, thực sự là đại lượng của tự do và công bằng, tất cả vì lợi ích của con người*” [14]. Do đó, nhân đạo không những là một nguyên tắc của pháp luật Việt Nam, nó chi phối “*cả phương diện điều chỉnh của pháp luật, cả tính chất của các quan hệ pháp lý*” [15], mà còn là một trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự nước ta, thể hiện qua rất nhiều quy phạm trong Bộ Luật hình sự năm 1999 hiện hành, đồng thời là công cụ cho việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như còn thể hiện thái độ khoan hồng, độ lượng của Nhà nước đối với những người phạm tội và tội phạm do họ thực hiện, qua đó “*tạo mọi điều kiện có thể được để cho họ cải tạo tốt và trở lại làm ăn lương thiện*” [16].

Trong phòng ngừa tội phạm, thực hiện nguyên tắc nhân đạo có ý nghĩa ở chỗ: yêu cầu các chủ thể khi hoạch định, soạn thảo và thực hiện các biện pháp phòng ngừa đều phải dự tính đến sự tác động của các biện pháp này đối với xã hội, dư luận xã hội, mà đặc biệt là các đối tượng cụ thể chịu sự tác động trực tiếp, gánh chịu các hậu quả bất lợi từ việc bị áp dụng những biện pháp phòng ngừa. Ngoài ra, nguyên tắc nhân đạo trong phòng ngừa tội phạm cũng đòi hỏi tất cả các cơ quan chức năng, cá nhân, người có thẩm quyền liên quan trong quá trình thực hiện các biện pháp phòng ngừa không được miệt thị, xúc phạm, xâm phạm đến danh dự, uy tín, nhân phẩm hay các quyền con người.

2.4. Nguyên tắc phối hợp

Theo đó, nguyên tắc phối hợp ở đây được hiểu là sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm. Mỗi chủ thể khi tham gia vào hoạt động này họ được Nhà nước và xã hội giao cho có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng mà các chủ thể khác không thể có được. Do đó, hoạt động phòng ngừa tội phạm, một mặt mang tính pháp lý, nhưng mặt khác, lại mang tính xã hội và tính tổng thể vì liên quan đến lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội, của nhân dân và ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến nhiều địa phương, Bộ, ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức và các cá nhân khác nhau. Tương tự như vậy, sức mạnh tập thể bao giờ cũng có sức mạnh vô biên và không gì có thể sánh được. Cho nên, bất kỳ cá nhân, cơ quan hay một tổ chức bất kỳ dù có quyết tâm đấu tranh phòng chống tội phạm đến đâu thì cũng chỉ mang tính đơn lẻ và không thể diệt trừ tận gốc được. Do đó, yêu cầu khách quan, tất yếu và có tính quy luật là phải có sự phối kết hợp một cách chặt chẽ, linh hoạt và đồng bộ, liên tục giữa các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở này, nguyên tắc phối hợp đó được thể hiện dưới các nội dung sau đây:

Một là, các cơ quan chức năng chuyên trách phòng chống tội phạm (Công an, Tòa án, Kiểm sát...) có trách nhiệm hướng dẫn đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, các cơ quan chức năng chuyên trách phòng ngừa tội phạm phải thường xuyên cùng phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phát hiện, xử lý kịp thời và nghiêm minh mọi hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả, phòng ngừa vi phạm.

Hai là, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa vi phạm và phối hợp, làm theo các yêu cầu của các cơ quan chức năng chuyên

trách phòng ngừa tội phạm. Mọi công dân phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân của mình.

Và *ba là*, khi được cơ quan chức năng chuyên trách phòng ngừa tội phạm yêu cầu, các cơ quan, tổ chức và tất cả các công dân phải tích cực tham gia và có nghĩa vụ tạo mọi điều kiện tốt nhất để các cơ quan này thực hiện tốt và đầy đủ nhiệm vụ, chức năng của mình. Riêng công dân, tùy mức độ mà được khen thưởng, động viên hoặc vi phạm tùy theo mức độ đều bị xử lý theo quy định của pháp luật (hành chính, kỷ luật hoặc pháp luật hình sự).

2.5. Nguyên tắc kết hợp giữa biện pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong xã hội với biện pháp pháp luật

Theo đó, đây cũng là một nguyên tắc quan trọng trong phòng ngừa tội phạm. Cụ thể, Nhà nước và xã hội phải thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân qua nhiều hình thức và cách thức khác nhau, để cho người dân hiểu biết pháp luật, một mặt tránh vi phạm pháp luật hay phạm tội, nhưng mặt khác cũng nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trước nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Điều này đúng như nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã viết: “*Một xã hội có kỷ cương, kỷ luật phải được xây dựng trên ý thức tuân thủ pháp luật ngày càng cao của mọi người, giáo dục mọi thành viên và các cộng đồng trong xã hội thói quen và nếp sống tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Đó là một nội dung không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền*” [17]. Do đó, công việc này cần được thực hiện qua các nội dung như:

Một là, trang bị tri thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng; hướng dẫn các thói quen ứng xử tích cực tuân theo pháp luật.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến quy chế dân chủ ở cơ sở, quy định dân chủ trong các văn bản pháp luật.

Ba là, bồi dưỡng tình cảm, tâm lý pháp luật về việc tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, giữ gìn và bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân.

Bốn là, tổ chức thường xuyên các Câu lạc bộ pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như loa đài phát thanh của phường, xã, thôn, xóm.

Và *năm là*, đặc biệt cần thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ khen thưởng, biểu dương kịp thời để khuyến khích, động viên tất cả quần chúng nhân dân tham gia phong trào toàn dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Đây cũng chính là một nội dung quan trọng trong Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính phủ “*Về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*”, thể hiện nội dung xã hội hóa công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, thu hút đông đảo và rộng rãi quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm và giáo dục người phạm tội. Bên cạnh việc áp dụng biện pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong xã hội, cũng cần thực hiện đồng bộ với biện pháp pháp luật, cũng như tiếp tục sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các văn bản, các quy định pháp luật khác có liên quan đến vấn đề chủ động phòng ngừa tội phạm và các vi phạm pháp luật...⁽²⁾.

⁽²⁾ Ví dụ: Quốc hội đã ban hành Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, trong đó quy định rất rõ vấn đề dân chủ và chủ động phòng ngừa tham nhũng trên tất cả các lĩnh vực tại Chương II - Phòng ngừa tham nhũng với các nội dung: 1) Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị; 2) Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; 3) Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; 4) Minh bạch tài sản, thu nhập; 5) Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng và; 6) Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán.

Trên đây là những nguyên tắc cơ bản trong phòng ngừa tội phạm, đòi hỏi phải tuân thủ khi thực hiện hoạt động phòng ngừa tội phạm. Các nguyên tắc này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau đòi hỏi các chủ thể phòng ngừa phải biết vận dụng linh hoạt và đồng bộ trong mỗi trường hợp tương ứng.

3. Các chủ thể phòng ngừa tội phạm

Như chúng ta đã biết, tội phạm là hiện tượng xã hội - pháp lý tiêu cực, gây nguy hiểm cho các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ. Cho nên, để phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn xã hội, của tất cả các bộ, ban, ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân chủ động và tích cực tham gia vào đó.

Do đó, ở góc độ khái quát và chung nhất, *chủ thể phòng ngừa tội phạm là toàn bộ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân tiến hành việc lãnh đạo, lập kế hoạch và quản lý các biện pháp phòng ngừa tội phạm, cũng như bảo đảm thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các biện pháp này.*

Song, xuất phát từ chỗ các nhiệm vụ, vị trí hoạt động và chức năng của mỗi bộ, ban, ngành mỗi cấp từ Trung ương đến địa phương cũng như mỗi cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội khác nhau nên vai trò của mỗi chủ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật cũng khác nhau, cho nên yêu cầu cụ thể đặt ra ở đây đòi hỏi phải có sự phân công trách nhiệm cụ thể giữa các chủ thể này, đồng thời bảo đảm sự phối hợp, giúp đỡ nhau trong việc cung cấp thông tin, phát hiện kịp thời, phòng ngừa và xử lý nhanh chóng, đúng pháp luật, tạo một hệ thống thống nhất vững chắc và an toàn nhất. Như vậy, về cơ bản và tổng thể phòng ngừa tội phạm chính là hoạt động phòng ngừa tội phạm của các chủ thể sau:

- 1) Các cơ quan, tổ chức Đảng;
- 2) Các cơ quan chức năng chuyên trách phòng ngừa tội phạm: Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan Thanh tra, Cơ quan Thi hành án;
- 3) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;
- 4) Các cơ quan quản lý hành chính, các đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội và;
- 5) Tất cả các công dân trong xã hội.

Theo đó, chủ thể đóng vai trò chính yếu nhất trong công tác phòng ngừa tội phạm chính là các cơ quan chuyên trách phòng ngừa tội phạm - Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan Thanh tra, Cơ quan Thi hành án. Đây chính là các cơ quan trung tâm và giữ trọng trách vô cùng quan trọng trong phòng ngừa tội phạm. Về điều này, Bộ Luật hình sự năm 1999 đã xác định trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm như sau: "*Các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng*" (khoản 1 Điều 4).

Như vậy, theo quy định của điều luật này thì trước hết trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm được giao trực tiếp cho các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác (như Hải quan, Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biên...) có trách nhiệm thi hành đầy đủ và nghiêm chỉnh chức năng, nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, các cơ quan chuyên trách này còn có chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng dân cư.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng, hoạt động phòng ngừa tội phạm của công dân có ý nghĩa

vô cùng quan trọng trong phòng ngừa tội phạm. Do đó, cần phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công tác này. Thực tiễn cho thấy, quần chúng nhân dân chính là người trực tiếp nắm bắt và có các thông tin chính xác về những mâu thuẫn, bất đồng, va chạm hàng ngày, họ cũng chính là những người hiểu rõ hơn ai hết các biểu hiện, lối sống tiêu cực, các đối tượng hình sự, chống đối xã hội hoặc vi phạm pháp luật tại địa phương, đồng thời lại là nơi giúp đỡ, cảm hóa và giáo dục khi người đó phạm tội hay quay trở lại tái hòa nhập cộng đồng.

Cho nên, cần khuyến khích và động viên kịp thời sự tham gia của quần chúng, xử lý nghiêm minh và thích đáng những người trù dập, trả thù quần chúng, bảo vệ họ để những người này tin tưởng vào pháp luật, dám đấu tranh chống tiêu cực và vi phạm pháp luật, giáo dục cho quần chúng thấy rõ được lợi ích chung của toàn xã hội trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, để họ thực sự là tai mắt của cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án, thực hiện đúng tư tưởng và trách nhiệm: mỗi người dân là một chiến sĩ công an nhân dân trên mặt trận đấu tranh phòng và chống tội phạm. Về điều này, đúng như GS.TSKH. Đào Trí Úc đã viết: *"Dân chủ hóa pháp luật hình sự, các thủ tục pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, hoạt động áp dụng pháp luật, các thủ tục pháp lý tức là tạo ra những tiền đề trong chính các bộ phận của hệ thống đấu tranh phòng và chống tội phạm cho việc nhân dân tham gia một cách tích cực, chủ động và rộng rãi vào nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm ..."* [16].

Tuy nhiên, khi đề cập đến sự tham gia của quần chúng nhân dân vào việc đấu tranh phòng và chống các tội phạm, điều đó có nghĩa là đề cập đến một sự phong phú của nhiều hình thức, nhiều "kênh" để lôi cuốn bất kỳ người dân nào cũng phải tham gia vào hoạt động đấu tranh đó, đó là hoạt động của Hội thẩm nhân dân, bào chữa viên nhân dân, của

các tổ chức hòa giải, chính quyền địa phương, đồng thời ở một mức cao hơn và rộng hơn nữa, đó là sự tham gia tích cực và đồng bộ của tất cả những người dân vào các phong trào quần chúng giữ gìn an ninh trật tự xã hội, vào công tác giáo dục, cải tạo và cảm hóa những người phạm tội.

Điều này hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết của Chính phủ số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới: *"Xây dựng và thực hiện cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng toàn dân, nâng cao trách nhiệm vai trò chủ động của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội..."* (điểm 1 mục I); *"Tiếp tục phát động quần chúng xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp ngăn ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cùng cố các tổ dân phố, lực lượng bảo vệ chuyên trách, ban chuyên án, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở phường, xã tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tổ chức quản lý, giáo dục, cảm hóa những người phạm tội tại cộng đồng dân cư. Tăng cường công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản tại các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang..."* (điểm 7 mục I).

Hoặc Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới đã nêu ra một trong các nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp thời gian tới: *"Huy động sự tham gia rộng rãi và tích cực của nhân dân vào công tác tư pháp... Thu hút đông đảo nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, tội phạm ngay tại thôn, làng, bản, ấp, khu dân cư. Có biện pháp bảo vệ và khen thưởng những người có công phát hiện, tố giác tội phạm, giúp đỡ cơ quan bắt giữ kẻ phạm tội."*

Các phương tiện thông tin đại chúng cần tích cực tham gia vào việc phát hiện vi phạm, tội phạm..." (điểm 5 mục B).

Hay gần đây nhất là Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng chỉ rõ một trong các nhiệm vụ cải cách tư pháp là: "Xây dựng cơ chế phát huy sức mạnh của nhân dân, cơ quan, tổ chức quần chúng trong phát hiện, phòng ngừa tham nhũng..." (đoạn 3 điểm 2.1 mục 2 Phần II); "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật..." (đoạn 3 điểm 2.5 mục 2 Phần II).

Các chủ thể khác cũng đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng ngừa tội phạm thông qua công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo và giám sát thực hiện. Do đó, đòi hỏi phải có sự tổng hợp sự tham gia đồng bộ các chủ thể phòng ngừa tội phạm tạo nên sức mạnh to lớn trong công tác này.

4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm

Biện pháp, theo Từ điển tiếng Việt được hiểu là: "Cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể". Còn phòng ngừa được hiểu là: "Phòng trước không để cho cái xấu, cái không hay nào đó xảy ra" [18]. Do đó, hiểu một cách khái quát và chung nhất, *biện pháp phòng ngừa tội phạm* được hiểu là các hoạt động (hay cách làm) của các chủ thể phòng ngừa tội phạm sử dụng để loại trừ nguyên nhân và điều kiện phạm tội, cũng như ngăn chặn và đẩy lùi không để cho tội phạm xảy ra trong xã hội. Như vậy, từ khái niệm này có thể chỉ ra một số đặc điểm của các biện pháp phòng ngừa tội phạm như sau:

Một là, các biện pháp phòng ngừa tội phạm là các hoạt động (hay cách làm) của các chủ thể phòng ngừa tội phạm.

Hai là, các biện pháp phòng ngừa tội phạm sử dụng nhằm loại trừ nguyên nhân và điều kiện phạm tội (của tình hình tội phạm và các tội phạm cụ thể), cũng như ngăn chặn và đẩy lùi không để cho tội phạm xảy ra, phát triển trong xã hội.

Ba là, biện pháp phòng ngừa tội phạm mang tính tổng thể và do nhiều chủ thể khác nhau tiến hành theo các cách thức, phương hướng nhất định, phục vụ nhiệm vụ phòng và chống tội phạm nói chung của Nhà nước.

Hiện nay, việc phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học, nhận thức lý luận cũng như góp phần to lớn trong công tác hoạch định chính sách hình sự và đề xuất các chủ thể có quyền, trách nhiệm và nhiệm vụ tham gia xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Tiêu chí để phân loại các biện pháp phòng ngừa này có nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu. Chẳng hạn, PGS.TS. Võ Khánh Vinh đưa ra rất nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại các biện pháp phòng ngừa một cách có hệ thống, đó là tiêu chí theo: 1) Nội dung; 2) Khôi lượng; 3) Phạm vi; 4) Khách thể và những người nhận sự tác động; 5) Cơ chế tác động; 6) Cường độ (sự tương quan của các yếu tố thuyết phục và cưỡng chế). Trên cơ sở này, tác giả lại cụ thể hóa như sau:

a) Theo nội dung, các biện pháp phòng ngừa được phân thành các biện pháp mang tính chất kinh tế, nhân chủng học, chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật và pháp lý.

b) Theo khôi lượng, các biện pháp phòng ngừa trong sự phù hợp với các mức độ của tình hình tội phạm và các quyết định luận nó được chia thành các biện pháp chung, riêng và cá nhân.

c) Theo phạm vi, các biện pháp phòng ngừa dựa trên lãnh thổ tác động được phân thành: các biện pháp chung của Nhà nước, các biện pháp khu vực, các biện pháp mang tính

chất địa phương, các biện pháp được hạn chế bởi khách thể cụ thể; dựa trên dấu hiệu ngành được phân thành các biện pháp bao quát một lĩnh vực đời sống xã hội nhất định, ngành kinh tế quốc dân, tiểu ngành, liên hiệp, nhà máy ...

d) Việc phân loại theo khách thể của sự tác động phân chia các biện pháp phòng ngừa theo các khuynh hướng cơ bản của công tác đấu tranh với tình hình tội phạm (chẳng hạn đối với các loại của tình hình tội phạm, các đặc điểm của các nguyên nhân và điều kiện của từng loại).

đ) Theo cơ chế hoạt động, các biện pháp phòng ngừa được phân thành các biện pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và tội phạm cụ thể, làm mất hiệu lực tác động của một số nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và của các tội phạm; các biện pháp làm yếu, hạn chế tác động đó; các biện pháp cản trở việc thực hiện ý định phạm tội, làm khó khăn việc xuất hiện tình huống có lợi cho hoạt động của những người phạm tội... [19]. PGS. TS. Nguyễn Mạnh Kháng cũng có quan điểm tương tự về các cách phân chia này [20].

Ngoài ra, TS. Lê Thế Tiêm và tập thể tác giả cũng đưa ra nhiều tiêu chí phân loại các biện pháp phòng ngừa và mỗi cách phân loại có những biện pháp cụ thể như sau:

1) Dựa vào *lĩnh vực* phòng ngừa, có các biện pháp - kinh tế, chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỷ luật, pháp luật, dân cư, v.v...

2) Dựa vào *tính chất của tình hình tội phạm*, có các biện pháp - phòng ngừa chung ở phạm vi toàn quốc hay từng miền, khu vực lãnh thổ; phòng ngừa theo nhóm tội phạm; phòng ngừa theo từng nhóm tội phạm cụ thể.

3) Dựa vào *phạm vi lãnh thổ, lĩnh vực* có các biện pháp - phòng ngừa chung ở phạm vi toàn quốc hay từng miền, khu vực lãnh thổ; phòng ngừa theo lĩnh vực tương ứng như lĩnh vực giao thông, xuất nhập khẩu, tài chính - ngân hàng, v.v...

4) Dựa vào *khách thể của tội phạm*, có các biện pháp - phòng ngừa theo từng nhóm hoặc theo từng tội phạm cụ thể theo các tội danh hoặc loại tội danh trong luật hình sự.

5) Dựa vào *tính chất tác động của các biện pháp*, có các biện pháp - giáo dục, tổ chức-quản lý, làm lành mạnh hóa môi trường xã hội, xử lý theo pháp luật... [7].

Song, theo chúng tôi ở góc độ hẹp hơn, căn cứ vào tính chất và mục đích của hoạt động phòng ngừa có thể phân loại đơn giản và phổ biến nhất hiện nay là phân chia các biện pháp phòng ngừa tội phạm thành hai nhóm chính:

1) Nhóm các biện pháp phòng ngừa tội phạm *chung* và;

2) Nhóm các biện pháp phòng ngừa tội phạm *riêng*.

Việc phân chia theo góc độ hẹp hơn này có thể bao quát và nhận thức một cách rõ ràng mà vẫn đảm bảo được mục đích của việc phân loại để ra. Ngoài ra, phòng ngừa tội phạm là một hệ thống liên hoàn, thống nhất và ở toàn bộ các biện pháp với các mức độ, cấp bậc khác nhau có tính chỉnh thể và phạm vi tác dụng của các biện pháp đó, đồng thời bảo đảm sự cộng đồng trách nhiệm của các chủ thể trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

4.1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa chung

Theo đó, nhóm các biện pháp phòng ngừa chung được hiểu là *tổng hợp các biện pháp tác động xã hội khác nhau đến nguyên nhân và điều kiện phạm tội, được thực hiện bởi sự phối hợp chặt chẽ và mật thiết của toàn bộ các chủ thể cũng như toàn xã hội. Nói một cách khác, nhóm các biện pháp này nhằm khắc phục triệt để tận gốc các tác nhân tiêu cực làm phát sinh, phát triển tội phạm, qua đó hạn chế, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ tội phạm trong xã hội.*

Về cơ bản, nhóm các biện pháp này bao gồm:

- 1) Các biện pháp chính trị - tư tưởng;
- 2) Các biện pháp kinh tế - xã hội;
- 3) Biện pháp pháp luật;
- 4) Các biện pháp giáo dục - tuyên truyền;
- 5) Các biện pháp tổ chức - quản lý;
- 6) Các biện pháp văn hóa - xã hội.

Nội dung những biện pháp cụ thể này chúng tôi sẽ đề cập trong một nghiên cứu khác. Tuy nhiên, việc áp dụng đòi hỏi phải có sự kết hợp đồng bộ và linh hoạt giữa các biện pháp này trong công tác phòng ngừa tội phạm, cũng như phòng ngừa các vi phạm pháp luật khác.

Ví dụ: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức - nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng⁽³⁾. Theo đó, đây không chỉ là

biện pháp về mặt tổ chức-quản lý, mà đồng thời phải kết hợp cả các biện pháp về mặt giáo dục - tuyên truyền, kinh tế - xã hội; v.v...

4.2. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tội phạm riêng

Tương tự, nhóm các biện pháp phòng ngừa riêng được hiểu là *tổng hợp các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn tác động trực tiếp vào đối tượng cụ thể của hoạt động phòng ngừa tội phạm như: nhóm (loại) người phạm tội, nhóm (loại) tội phạm, những tội phạm cụ thể hoặc tội phạm xảy ra trong từng ngành, bộ, lĩnh vực hay địa phương... qua đó kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, các nhóm tội phạm cũng như từng loại tội phạm cụ thể.*

Các biện pháp phòng ngừa riêng được thực hiện bởi các cơ quan chức năng chuyên trách phòng ngừa tội phạm của Nhà nước giao

⁽³⁾ Trong đó danh mục các vị trí cần định kỳ chuyển đổi: 1) Hoạt động quản lý tài chính, ngân sách, tài sản của Nhà nước; 2) Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; 3) Hoạt động hải quan, thuế, kho bạc, dự trữ quốc gia; quản lý và thực hiện nghiệp vụ kế toán, kiểm toán; 4) Quản lý công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý chứng khoán, thị trường chứng khoán; 5) Hoạt động thẩm định, định giá trong đấu giá, hoạt động mua và bán nợ; 6) Cấp phép hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối; thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng; quản lý và thực hiện nghiệp vụ tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhà nước; thẩm định và cho vay tín dụng; 7) Quản lý việc bán, khoán, cho thuê đất, tài sản trên đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; 8) Hoạt động quản lý, điều hành công tác kế hoạch và đầu tư trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp nhà nước; 9) Quản lý hoạt động đối ngoại, lãnh sự; 10) Hoạt động quản lý và cấp phát các loại: giấy đăng ký, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, giấy chứng nhận, giấy phép, cấp phiếu lý lịch tư pháp; công chứng viên, chấp hành viên thi hành án dân sự; 11) Quản lý xây dựng cơ bản, giải tỏa, áp giá đền bù trong giải phóng mặt bằng và quản lý dự án; 12) Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ; 13) Quản lý, cấp phát đăng ký

các loại phương tiện, bằng lái xe; 14) Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện vận tải; 15) Hoạt động quản lý thị trường, kiểm lâm; 16) Các hoạt động thanh tra; 17) Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này; 18) Cảnh sát giao thông; cảnh sát tư pháp; cảnh sát quản lý trại giam; cảnh sát hộ khẩu; cảnh sát điều tra; cảnh sát kinh tế; cảnh sát khu vực; cảnh sát trật tự hành chính; cảnh sát đăng ký, quản lý vũ khí, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và con dấu; cảnh sát đăng ký và quản lý hộ khẩu; cảnh sát hướng dẫn và kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy; cảnh sát làm công tác hậu cần; an ninh kinh tế, an ninh điều tra, quản lý xuất cảnh, nhập cảnh và cán bộ làm công tác trinh sát trong các cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân; 19) Cán bộ, nhân viên làm công tác hậu cần, kỹ thuật, đầu tư, kinh tế trong Quân đội nhân dân; 20) Công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp; hoạt động công tố của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp; hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; 21) Công tác tuyển dụng, đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức; công tác nhân sự và quản lý nhân lực.

cho, đó là: Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan Thanh tra, Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển... và có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ với một số chủ thể phòng ngừa tội phạm khác.

Nhóm các biện pháp phòng ngừa tội phạm riêng tùy thuộc vào đối tượng của các biện pháp phòng ngừa tội phạm hay mục đích phòng ngừa, tương ứng với các tội phạm cụ thể, nhóm tội phạm cụ thể hay người phạm tội cụ thể khác nhau. Chẳng hạn, theo PGS.TS. Nguyễn Chí Dũng và tập thể tác giả thì phòng ngừa riêng bao gồm:

1) *Nhóm biện pháp tuyên truyền, giáo dục:* làm cho người dân luôn có ý thức cảnh giác trước sự tấn công của tội phạm, chủ động phòng ngừa tội phạm và tham gia công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, cộng tác với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm...;

2) *Nhóm biện pháp cảm hóa, giáo dục, cải tạo:* thực hiện đối với những người có quá khứ phạm tội, những người có nguy cơ cao, thường có các hành vi vi phạm về đạo đức, lối sống, vi phạm pháp luật (nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự) và;

3) *Phòng ngừa tội phạm bằng các phương tiện khoa học - công nghệ:* áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ trong công tác bảo vệ, bảo động, theo dõi hoạt động tội phạm...[6].

Trong khi đó, GS.TS. Đỗ Ngọc Quang cho rằng biện pháp phòng ngừa riêng được thực hiện theo hai mức độ của tội phạm như sau:

1) *Các biện pháp phòng ngừa theo loại tội phạm có đặc điểm chung giống nhau để làm rõ nguyên nhân và điều kiện phạm tội để áp dụng các biện pháp thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện phạm tội và;*

2) *Các biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể được quy định trong Luật hình sự (theo từng tội phạm cụ thể được quy định trong Luật hình sự) [5].*

Chúng tôi cho rằng, nếu hiểu chính xác và đúng với nội dung thì phòng ngừa riêng phải

bao gồm các biện pháp tác động trực tiếp vào đối tượng cụ thể của hoạt động phòng ngừa tội phạm (như: những loại tội phạm, những tội phạm cụ thể hoặc tội phạm xảy ra trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương cụ thể... hay những nhóm người phạm tội cụ thể) có liên hệ chặt chẽ với nhau, và qua đó kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, nhóm tội phạm, từng loại tội phạm cụ thể... Còn nếu bao gồm rộng (như: biện pháp tuyên truyền, giáo dục làm cho người dân luôn có ý thức cảnh giác trước sự tấn công của tội phạm, chủ động phòng ngừa tội phạm và tham gia công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, cộng tác với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm...) có lẽ lại thuộc về nhóm biện pháp phòng ngừa chung. Bởi lẽ, như chúng ta đã biết, nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm là nhiệm vụ của toàn xã hội và toàn thể công dân, chứ không phải biện pháp đặc thù, chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan làm nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Do đó, phòng ngừa tội phạm riêng theo nội dung có thể tương ứng với việc phòng ngừa các nhóm (chương) tội phạm hoặc loại tội phạm tương ứng trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự. Ví dụ: Phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia, phòng ngừa các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người; phòng ngừa các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu; phòng ngừa các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; phòng ngừa các tội phạm về chức vụ; phòng ngừa các loại tội cụ thể (giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, tham ô tài sản, nhận hối lộ, v.v...).

Ngoài ra, phòng ngừa tội phạm riêng còn bao gồm cả những nhóm biện pháp đặc thù theo các cấp bậc sau:

Một là, các biện pháp phòng ngừa riêng bậc 1 - phát hiện, theo dõi và giúp đỡ những đối tượng,

phần tử đang lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bất mãn, bất lợi, chán nản, có tâm lý "không ổn định", "không vững vàng" để tránh nguy cơ họ sẽ vi phạm pháp luật hay phạm tội... Các biện pháp cụ thể có thể là: tạo việc làm, tạo nghề nghiệp, khuyến bảo, giáo dục, cho vay tiền đi học nghề, kinh doanh...

Hai là, các biện pháp phòng ngừa riêng bậc 2 - răn đe, giáo dục, cảnh cáo, theo dõi, yêu cầu làm báo cáo kiểm điểm những phần tử, đối tượng đang có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nếp sống, sinh hoạt và trật tự xã hội... nhưng chưa đến mức vi phạm pháp luật hình sự (như: say rượu, cờ bạc, lô đề, ma túy, trộm cắp vặt, càn quấy kiểu chửi phèo tại tại thôn, xóm...) hoặc là đối tượng vừa được tha tù đang thất nghiệp, quấy phá gia đình, đua đòi, thay đổi bất thường về kinh tế... để gọi lên trụ sở chính quyền răn đe, phòng ngừa và giáo dục.

Và ba là, các biện pháp phòng ngừa riêng bậc 3 - xử lý kiên quyết, triệt để, nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật những đối tượng đã xác định vi phạm, đồng thời tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp hình sự (về cơ quan, thủ tục, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự...) một mặt để trấn áp và truy cứu trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm hình sự các đối tượng vi phạm, mặt khác bảo đảm an ninh trật tự xã hội, kỷ cương pháp luật và pháp chế, công bằng xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và của nhân dân.

Tuy nhiên, trong thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm, đòi hỏi các chủ thể phòng ngừa tội phạm phải áp dụng linh hoạt, mềm dẻo và kết hợp nhuần nhuyễn các nhóm biện pháp phòng ngừa tội phạm chung và riêng tùy theo mục đích, phạm vi và yêu cầu trong từng trường hợp. Một mặt, bảo đảm loại trừ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội, các nhân tố làm phát sinh tội phạm và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Mặt khác, tránh sự lãng phí không cần thiết liên quan đến thời gian, công sức, tiền của, sức người và cơ sở vật

chất. Nói một cách khác, GS.TSKH. Đào Trí Úc viết: "Phòng ngừa tội phạm phải bảo đảm tính hệ thống, tính toàn diện, tính khoa học và tính khả thi... đối với các biện pháp được áp dụng..." [21].

5. Kết luận

Tóm lại, qua nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về phòng ngừa tội phạm cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

Một là, tội phạm là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như khi xã hội phân chia thành giai cấp đối kháng. Là hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội - pháp lý, tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền, tự do và các lợi ích hợp pháp của con người. Vì vậy, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, đồng thời tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó phải xuất phát từ xã hội, cũng như việc đưa ra các biện pháp phải phù hợp và dựa trên những quy luật kinh tế - xã hội khách quan và có tính tất yếu gắn liền với từng giai đoạn tương ứng của xã hội.

Hai là, là ngành khoa học đang phát triển và đầy triển vọng, tội phạm học tập trung nghiên cứu về tội phạm với tư cách là một hiện tượng xã hội, nghiên cứu về tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể, về nguyên nhân và điều kiện phạm tội và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội, về nhân thân người phạm tội để trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp tổng thể và có hệ thống về phòng và chống tội phạm.

Và ba là, phòng ngừa tội phạm chính là nhiệm vụ cuối cùng của tội phạm học và nhằm chỉ dẫn khoa học giúp cho chính ngành khoa học này soạn thảo và đưa ra một hệ thống tổng thể những biện pháp mang tính xã hội và Nhà

nước để đề phòng ngừa tội phạm có hiệu quả và tác dụng hơn, cũng như có các nguyên tắc và những phương hướng cơ bản triển khai trong thực tiễn.

Ngoài ra, đến lượt mình, tội phạm học còn nghiên cứu xây dựng hệ thống các chủ thể thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, kế hoạch hóa để đưa công tác phòng ngừa cũng như các Chương trình Quốc gia về phòng, chống tội phạm vào thực tiễn đời sống xã hội, góp phần bảo vệ chế độ, pháp chế, kỷ luật - kỷ cương và Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Trí Úc, *Tình hình nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay*, Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Luật sư Phạm Hồng Hải chủ biên, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2000.
- [2] X.X.A-lếch-xây-ép, *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta* (người dịch: Đồng Ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986.
- [3] Freda Adler, Gerhard O.W.Mueller, *Criminology: The Shorter Version*, McGraw-Hill, Inc, Printed in the United States of America, 1995.
- [4] Larry J. Siegel, *Criminology: Theory, pattern and typologies*, Wadsworth a division of Thomson Learning, Inc, 2001.
- [5] Đỗ Ngọc Quang, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999.
- [6] Nguyễn Chí Dũng (chủ biên), *Một số vấn đề về tội phạm và cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [7] Lê Thế Tiệm, Phạm Tự Phá và tập thể tác giả, *Tội phạm ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài KX 04-14, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [8] Nguyễn Xuân Yêm, *Tội phạm có tổ chức, mafia và toàn cầu hóa tội phạm*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003.
- [9] Nguyễn Văn Xô (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Trẻ, Hà Nội, 2001.
- [10] Nguyễn Xuân Yêm, *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2001.
- [11] Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2006.
- [12] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học), NXB Đà Nẵng, 2002.
- [13] Nguyễn Văn Đạm, *Từ điển tiếng Việt - Từ điển giải và liên tưởng*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999.
- [14] Hoàng Thị Kim Quế, *Tư tưởng Đông, Tây về Nhà nước và pháp luật - Những nhân tố Nhà nước pháp quyền*, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 3 (2002), 11.
- [15] Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam* (Quyển 1 - Những vấn đề chung), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [16] Phạm Văn Tinh, *Về vấn đề nhân đạo trong Bộ Luật hình sự 1999*, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* 10 (2000), 29.
- [17] Đỗ Mười, *Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị*, *Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý* 12 (1995), 86.
- [18] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học), NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, 2006.
- [19] Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Tội phạm học*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2006.
- [20] Nguyễn Mạnh Kháng, *Phòng ngừa tội phạm*, Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Luật sư Phạm Hồng Hải (chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2000.
- [21] Đào Trí Úc, *Cơ sở khoa học của việc tổ chức phòng ngừa tội phạm*, Trong sách: *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tập thể tác giả do PGS.TS. Luật sư Phạm Hồng Hải (chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2000.

Crime prevention: Some main theoretical issues

Trình Tien Viet

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This writing is about a number of main theoretical issues on crime prevention and its meanings, the main principals in crime prevention, the topics on crime prevention and crime preventive measures in order to give conclusions to orientate the perfect of this field of crime research.